

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST

Ngày: 24/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức

Ông Đặng Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Hoàng G, sinh năm 1983, tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: ấp PH, xã ĐM, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Hữu V, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Phan Thị K, sinh năm 1937; có vợ là Trần Thị U, sinh năm 1982 (ly hôn năm 2006), có 01 con chung với U tên Trương Thị TN, sinh năm 2002; sau khi ly hôn với U thì sống chung như vợ chồng với Phan Thị T1, sinh năm 1976 (ly hôn năm 2014), có con chung với T1 tên Phan Thị Thùy D 05 tuổi.

- Tiền án: Ngày 27/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 30/01/2019.

- Tiền sự: Không.

- Bị tạm giam ngày 08/8/2019 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

1/ Ông Lưu V V, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp BT, xã TG, huyện T, tỉnh An Giang.

2/ Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp HT, xã ĐT, huyện T, tỉnh An Giang.

* Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp HP, xã ĐT, huyện T, tỉnh An Giang.

2/ Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp BT, xã TG, huyện T, tỉnh An Giang.

3/ Ông Trương Minh K1, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp BT, xã TG, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 04/4/2019, Trương Hoàng G đi bộ đến nhà Nguyễn Hồng P rủ P đi uống rượu. Sau đó, Giang và P đi bộ đến quán nhậu “269” của Trần Đức Phú thuộc ấp HT, xã ĐT, huyện T, tỉnh An Giang để uống rượu nhưng do quán đóng cửa nên cả hai đi về. Khi về gần dốc cầu kênh G thuộc ấp HT, xã ĐT, Giang thấy cặp tiệm sửa xe của Nguyễn Thành Đ có căn nhà trống, bên trong có 01 két bia Sài Gòn đỏ còn 09 chai bia chưa sử dụng của Nguyễn Thành Đ nên Giang lấy trộm mang về trước cửa nhà của P rồi cùng P uống hết các chai bia này. Đến khoảng 02 giờ ngày 05/4/2019, Giang thức dậy đi về nhà. Khi đến gần tiệm sửa xe của Đ, thấy cửa tiệm không đóng, bên trong có mở đèn chiếu sáng và có 01 xe mô

tô màu đỏ, nhãn hiệu DH88, biển số 67S1-7371 của Lưu V V để trong tiệm, trên ổ khóa xe còn để chìa khóa, Giang nảy sinh ý định lấy trộm nên đi vào dắt xe mô tô này ra ngoài và nổ máy xe chạy về nhà.

Đến khoảng 07 giờ ngày 05/4/2019, Giang điều khiển xe mô tô lấy trộm được đến nhà của Nguyễn Văn D1 ngụ ấp BT, xã TG, huyện T và ngồi uống rượu cùng với D1. Lúc này, Trương Minh K1 là bạn của Việt đi ngang qua phát hiện xe mô tô của Việt đậu trước nhà D1 nên gọi điện cho Việt biết. Khi đến nơi, Việt xác định đây là xe mô tô bị mất trộm nên đến Công an xã TG trình báo sự việc. Sau đó, Công an xã TG bàn giao hồ sơ cho Công an huyện T tiếp nhận. Trong quá trình làm việc, Giang đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 67S1-7371, nhãn hiệu: DH88; màu sơn: Đỏ; số loại: DH88; số máy 1151283, số khung 1138607.

- 09 vỏ chai bia Sài Gòn đỏ đã qua sử dụng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐ ngày 22/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh An Giang, kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 67S1-7371, nhãn hiệu: DH88; màu sơn: Đỏ; số loại: DH88; số máy 1151283, số khung 1138607 chất lượng còn lại khoảng 50%, trị giá 2.500.000 đồng.

- 09 chai bia Sài Gòn đỏ chưa sử dụng, trị giá 99.000 đồng.

Tổng cộng hai loại tài sản định giá là 2.599.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSTS-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trương Hoàng G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày nội dung luận tội: Giữ ngU nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Hoàng G. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trương Hoàng G từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lưu V V đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xem xét. Bị hại Nguyễn Thành Đ trong quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo bồi thường 99.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo cũng tự nguyện bồi thường cho bị hại Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Thành Đ số tiền 99.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại nên không đề cập xem xét.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trương Hoàng G khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và nội dung vụ án được tóm tắt. Bị cáo không tranh luận về tội danh, khoản, điều luật, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại và những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Hoàng G khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai

của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định: Vào đêm 04/4/2019 và rạng sáng ngày 05/4/2019, bị cáo Trương Hoàng G lợi dụng đêm khuya, chủ sở hữu ngủ say, sơ hở, mất cảnh giác, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 09 chai bia Sài Gòn đỏ chưa qua sử dụng của anh Nguyễn Thành Đ trị giá 99.000 đồng và 01 xe mô tô màu đỏ, nhãn hiệu: DH88 biển số 67S1-7371 của anh Lưu V V trị giá 2.500.000 đồng. Tổng giá trị 02 tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 2.599.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Nguyễn Hồng P, không biết 09 chai bia Sài Gòn đỏ mà bị cáo có là do phạm tội mà có nên không xem xét, xử lý.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập chân chính phục vụ cho nhu cầu của bản thân và chăm lo cho gia đình nhưng ngược lại với bản chất tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Về nhân thân ngày 18/4/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 07 năm tù về tội "Hiếp dâm", chấp hành xong ngày 31/8/2011, ngày 27/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 30/01/2019. Lẽ ra khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo phải nhận thức được lỗi lầm, phải biết ăn năn hối cải, thấy được sự răn đe, trừng trị nghiêm khắc của pháp luật, từ đó phải lao động làm ăn chân chính để tự nuôi sống bản thân và lo cho gia đình. Nhưng ngược lại, bất chấp sự trừng trị của pháp luật, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, điều này cho thấy bị cáo là người xem thường pháp luật. Do đó, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân biết tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng chống nạn trộm cắp tài sản vẫn còn xảy ra nhiều trên địa bàn huyện nhà thời gian qua.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; chưa có tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, học lực thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, tài sản bị cáo lấy trộm đã được giao trả cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lưu V V đã nhận lại xe mô tô biển số 67S1-7371 không có yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết. Bị hại Nguyễn Thành Đ vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra có yêu cầu bồi thường 09 chai bia Sài Gòn đỏ trị giá 99.000 đồng là có căn cứ, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại Đ nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Thành Đ số tiền 99.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trao trả cho bị hại là phù hợp.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

TU bỏ bị cáo Trương Hoàng G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trương Hoàng G 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 8 năm 2019.

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trương Hoàng G bồi thường cho anh Nguyễn Thành Đ số tiền 99.000 đồng (*Chín mươi chín nghìn đồng*).

Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tU án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện T (2);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- CQĐT Công an huyện T (1);
- CQ THA hình sự huyện T (1);
- Chi cục THADS huyện T (1);
- Nhà Tạm giữ CA huyện T (2);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo, bị hại, các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Phan Thị Minh Tâm

